TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH HỆ CHÍNH QUY 2014

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT - KHỐI A (XÉT TUYỂN BỔ SUNG - ĐỢT 1) NĂM 2014

SKN A Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DCN.A 03614	Nguyễn Thị Hải	Anh	15/07/96	Nữ	Huyện Tiền Hải		2	142110041	D480201	5.75	5.25	5.75	16.75	17.00		TT
2	DCN.A 03519	Nguyễn Tuấn	Anh	14/02/96		Huyện Bình Lục		2NT	142110051	D510301	7.00	4.25	4.50	15.75	16.00		TT
3	CSH.A 00126	Trần Nhật	Anh	03/12/96		Thành phố Nam Định		2	142110057	D480201	4.50	6.50	7.75	18.75	19.00		TT
4	LPH.A 02666	Nguyễn Thị Vân	Anh	24/11/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	142110059	D480201	6.75	5.50	5.50	17.75	18.00		TT
5	KGH.A 00023	Lê Quang	Bình	06/10/95		Thành phố Nam Định		2	142110030	D510301	5.50	6.25	4.50	16.25	16.50		TT
6	LAH.A 00347	Phùng Văn	Cảnh	10/02/96		Huyện Giao Thủy		2NT	142110013	D510301	5.75	6.00	4.25	16.00	16.00		TT
7	DCN.A 06307	Ninh Văn	Cường	11/06/96		Huyện Trực Ninh		2NT	142110023	D510202	5.50	5.25	5.00	15.75	16.00		TT
8	QHS.A 01031	Phan Trọng	Cường	27/10/95		Huyện Vụ Bản		1	142110046	D510303	6.75	6.00	4.00	16.75	17.00		TT
9	CSH.A 00578	Hoàng Khương	Duy	12/02/96		Thành phố Nam Định		2	142110032	D480201	6.00	4.50	5.75	16.25	16.50		TT
10	DCN.A 07662	Phạm Tiến	Dũng	08/02/96		Huyện Mỹ Lộc		2NT	142110004	D510301	4.25	6.25	5.50	16.00	16.00		TT
11	LAH.A 00843	Trần Văn	Dũng	28/09/96		Huyện Nam Trực		2NT	142110005	D510301	4.75	6.50	4.75	16.00	16.00		TT
12	PKH.A 00377	Phạm Bá	Đạo	10/09/96		Huyện ý Yên		2NT	142110056	D510301	5.25	5.25	7.50	18.00	18.00		TT
13	DCN.A 08708	Vũ Xuân	Đạt	13/06/95		Huyện Vụ Bản		2NT	142110017	D510301	6.00	6.00	4.50	16.50	16.50		TT
14	NQH.A 00141	Nguyễn Văn	Giáp	10/02/94		Huyện ý Yên		2NT	142110049	D510301	6.00	6.00	5.50	17.50	17.50		TT
15	HTC.A 03104	Trương Thị	Hằng	28/01/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	142110025	D480201	5.75	5.75	4.50	16.00	16.00		TT
16	DCN.A 12474	Phạm Duy	Hiển	22/02/96		Huyện Xuân Trường		2NT	142110020	D480201	5.00	6.25	4.75	16.00	16.00		TT
17	PBH.A 00423	Trần Văn	Hiệp	16/04/96		Huyện Giao Thủy		2NT	142110035	D510301	6.00	5.25	4.75	16.00	16.00		TT
18	GHA.A 02884	Phan Thế	Hiển	15/01/96		Thành phố Nam Định		2	142110053	D480201	6.75	6.00	4.75	17.50	17.50		TT
19	DCN.A 14928	Nguyễn Quang	Huy	13/03/96		Thành phố Nam Định		2	142110022	D510303	6.00	6.50	3.75	16.25	16.50		TT
20	PCH.A 01657	Bùi Thị Tú	Huyền	13/01/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	142110033	D480201	5.50	6.50	5.75	17.75	18.00		TT
21	DKK.A 10384	Đinh Thị	Huyền	06/05/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	142110058	D480201	6.25	4.50	5.00	15.75	16.00		TT
22	KMA.A 00472	Nguyễn Đình	Hùng	13/11/96		Huyện Nam Trực		2NT	142110016	D510303	6.25	5.25	4.50	16.00	16.00		TT
23	DCN.A 17303	Nguyễn Văn	Khải	07/06/96		Huyện Mỹ Đức		2	142110015	D510303	5.50	5.75	5.25	16.50	16.50		TT
24	PCH.A 01820	Đan Mạnh	Khải	08/11/96		Thành phố Phủ Lý		2	142110042	D510303	6.25	6.00	5.50	17.75	18.00		TT
25	SPH.A 00850	Hoàng Thị Nhật	Lệ	01/04/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	142110055	D480201	7.25	5.75	8.50	21.50	21.50		TT
26	HQH.A 00972	Trần Đức	Long	18/10/96		Huyện Hải Hậu		2NT	142110028	D510202	6.75	4.50	6.00	17.25	17.50		TT
27	DCN.A 21209	Đới Công	Minh	10/08/96		Huyện Nam Trực		2NT	142110037	D510303	6.00	4.75	5.50	16.25	16.50		TT
28	LAH.A 03047	Nguyễn Tài	Ngọc	21/10/96		Thành phố Nam Định		2	142110001	D510301	6.50	5.25	5.25	17.00	17.00		TT
29	LAH.A 03105	Bùi Ngọc	Nhất	14/11/96		Huyện Trực Ninh		2NT	142110003	D510301	7.25	5.50	5.00	17.75	18.00		TT

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT - KHỐI A (XÉT TUYỂN BỔ SUNG - ĐỢT 1) NĂM 2014

SKN A Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
30	DCN.A 23928	Vũ Văn	Phi	22/12/96		Huyện ý Yên		2NT	142110034	D510301	6.75	5.25	3.75	15.75	16.00		TT
31	DDL.A 03124	Lại Hồng	Quân	15/06/96		Thành phố Phủ Lý		2	142110006	D510303	5.50	6.25	4.75	16.50	16.50		TT
32	PKH.A 01266	Phạm Văn	Quang	15/05/94		Huyện Yên Khánh	03	2NT	142110040	D510301	6.25	5.75	5.50	17.50	17.50		TT
33	DCN.A 26368	Trần Văn	Sinh	02/11/96		Huyện Bình Lục		2NT	142110047	D510201	4.75	6.50	5.00	16.25	16.50		TT
34	DCN.A 26803	Bùi Văn	Sơn	10/08/95		Huyện Nam Trực		2	142110008	D510303	5.75	5.50	5.25	16.50	16.50		TT
35	DCN.A 26776	Hoàng Hồng	Sơn	15/07/96		Huyện Kim Bảng		2NT	142110019	D510201	4.75	6.25	5.50	16.50	16.50		TT
36	LAH.A 03816	Nguyễn Vũ	Thành	17/09/96		Huyện Gia Viễn		2NT	142110009	D510301	6.75	5.50	6.00	18.25	18.50		TT
37	KHA.A 05885	Trịnh Xuân	Thăng	25/02/96		Huyện Bình Lục		2NT	142110026	D510301	5.50	5.25	6.00	16.75	17.00		TT
38	HGH.A 00171	Nguyễn Thế	Thái	31/10/96		Huyện Xuân Trường		2NT	142110038	D480201	6.00	5.50	6.25	17.75	18.00		TT
39	HQH.A 01598	Lê Đức	Thịnh	22/06/96		Huyện Thanh Liêm		2NT	142110050	D510303	5.75	6.50	3.75	16.00	16.00		TT
40	DTY.A 10774	Vũ Thị	Thương	16/06/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	142110011	D480201	6.50	7.50	7.25	21.25	21.50		TT
41	CSH.A 03353	Khổng Vũ	Thực	24/10/96		Thành phố Thái Bình		2	142110039	D510303	6.00	5.50	6.50	18.00	18.00		TT
42	DCN.A 31696	Nguyễn Văn	Toàn	10/06/96		Huyện Hải Hậu		2NT	142110036	D510205	4.00	5.50	6.25	15.75	16.00		TT
43	DCN.A 32204	Đỗ Thị Kiều	Trang	13/03/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	142110021	D480201	6.00	5.50	5.00	16.50	16.50		TT
44	DCN.A 33933	Nguyễn Anh	Tuấn	01/05/96		Huyện Vụ Bản		2NT	142110054	D510303	4.50	5.75	6.25	16.50	16.50		TT
45	ANH.A 03319	Nguyễn Văn	Tùng	20/03/96		Huyện Yên Bình		1	142110018	D510205	4.50	5.50	5.75	15.75	16.00		TT
46	TTH.A 00606	Phùng Công	Việt	07/11/96		Thành phố Nam Định		2	142110027	D480201	6.00	5.25	5.25	16.50	16.50		TT
47	DCN.A 36203	Phạm Xuân	Vũ	21/08/96		Thành phố Nam Định		2	142110045	D510205	6.75	5.50	4.00	16.25	16.50		TT
48	HGH.A 00226	Ngô Văn	ý	03/10/95		Huyện ý Yên		2NT	142110007	D510201	6.50	5.50	4.75	16.75	17.00		TT
49	HGH.A 00226	Ngô Văn	ý	03/10/95		Huyện ý Yên		2NT	142110029	D510202	6.50	5.50	4.75	16.75	17.00		TT

CỘNG TRƯỜNG SKNA : 49 THÍ SINH

Ngày ..... tháng ..... năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**